

TƯƠNG TƯ

(NGUYỄN BÌNH)

I – BÀI TẬP

1. Xác định nhân vật trữ tình của bài thơ và nội dung cảm xúc được nhân vật trữ tình bày tỏ.

2. Tìm hiểu (nhận diện, miêu tả) các cung bậc và diễn biến của nỗi tương tư trong lòng chàng trai thôn Đoài được thể hiện qua bài thơ.

3. Phân tích lời trách móc khá đặc biệt của chàng trai thôn Đoài đối với cô gái thôn Đông ở đoạn thơ từ dòng 5 đến dòng 12.

4. Nêu bật sự tinh tế trong cách sử dụng ngôn từ của tác giả ở hai câu thơ : "Ngày qua ngày lại qua ngày - Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng".

5. Với *Tương tư*, Nguyễn Bình đã khéo tạo ra một không gian nghệ thuật thích hợp để mối tình quê được phô diễn, bộc lộ tự nhiên, trọn vẹn. Hãy chứng minh.

6. Sự xuất hiện của hệ thống hình ảnh cặp đôi trong bài thơ có những điểm gì đáng chú ý ? Hãy cho biết cái hay của lối cấu trúc song hành ở bốn dòng cuối.

7. Tìm hiểu dấu ấn của nền văn hoá truyền thống ở cách nhìn đời, cách cảm thụ thiên nhiên và phô bày cảm xúc trong bài thơ.

8. Đọc *Tương tư*, người ta thấy giọng "quê mùa" không hề làm phai nhạt bản chất "rất thơ mới" của thi phẩm. Cho biết ý kiến của anh (chị) về nhận định trên.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Nhân vật trữ tình của bài thơ là một chàng trai quê thôn Đoài. Đây là nhân vật trữ tình nhập vai, không trùng với tác giả nhưng không hoàn toàn đối lập, cách biệt, xa lạ với tác giả. Nội dung cảm xúc được nhân vật trữ tình bày tỏ trong bài là nỗi tương tư, nỗi nhớ nhung, nỗi khao khát yêu đương với các sắc thái đa dạng và phức tạp của nó.

2. Những cung bậc của nỗi tương tư mà chàng trai thôn Đoài đã trải qua : nhớ – tự phân tích nỗi nhớ – trách móc, ngờ vực, băn khoăn – ngậm ngùi thương mình, mong được chia sẻ – đợi chờ pháp phủng và khao khát gặp gỡ, sum vầy.

3. Trong quan hệ yêu đương, sự trách móc nhau vẫn thường xảy ra. Ở đây, lời trách của chàng trai rất thiếu cơ sở : chuyện của *hai thôn* vốn thuộc lĩnh vực hành chính, làm sao có thể đồng nhất với chuyện tình yêu vốn thuộc lĩnh vực của trái tim được. Giữa chúng chẳng có mối liên hệ tất yếu nào. Thêm vào đó, *không sang* không phải là chuyện của khoảng cách địa lí mà là chuyện của khoảng cách tình cảm. Vịn vào đó để bắt bẻ quả không tránh khỏi sự hồ đồ. Tuy nhiên, kẻ đang yêu có bao giờ hiểu được điều đó. Lí lẽ của một trái tim yêu quả thật khác thường và cũng thật đáng cảm thông !

4. Hai câu thơ "Ngày qua ngày lại qua ngày - Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng" cho thấy rất rõ sự tài hoa trong cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả. Hai từ *ngày, qua* được lặp đi lặp lại đây biến hoá đã diễn tả rất hay một thực tế không hề biến hoá : hết *qua* rồi lại *qua*, tất cả vẫn không có gì khác ngoài cái *ngày* vô vị ấy ! Từ *lại* được cài vào rất nghệ thuật cũng góp phần biểu đạt sâu sắc thêm cảm giác này ở nhân vật trữ tình. Trong câu thơ sau, âm điệu của từ *nhuộm* cũng như hiện tượng đảo vị trí từ vừa xác nhận dấu ấn rõ rệt của thời gian in trên cây lá, vừa khắc hoạ thật tài tình tâm trạng nặng nề của kẻ tương tư không làm sao tránh được sự nhắc nhở thường xuyên của thời gian.

5. Trong bài thơ, Nguyễn Bính đã tạo dựng được một không gian nghệ thuật riêng phù hợp với mối tình chân quê mà ông nói tới. Ta thấy bao trùm ở đây hình ảnh của thôn Đoài, thôn Đông với mái đình, giàn trầu, hàng cau liên phòng cùng những cây lá đổi màu theo bước mùa đi,... Nhờ nó, người đọc mới có được ấn tượng đặc biệt đến vậy về nỗi mong nhớ mơ hồ xa xôi, cách tính đếm thời gian theo dấu ấn của mùa trên cây cỏ, chút ồm ờ trong cách biểu đạt cảm xúc của chàng trai. Không gian làng quê lúc này không tồn tại như một bối cảnh thuần túy mà tự nó cũng toát lên, cũng hàm chứa một "nội dung" sâu xa.

6. Có một hệ thống hình ảnh cặp đôi tồn tại trong bài thơ : *thôn Đoài – thôn Đông, bến – dò, hoa khuê các – bướm giang hồ, cau – giầu* (trầu). Hệ thống hình ảnh này thật giàu màu sắc dân gian, biểu đạt rất hay khát vọng lứa đôi của các đối tượng được giả định là *bình dân*. Về hình ảnh *trầu – cau*, ai cũng biết nó gắn liền với chuyện kết duyên, chuyện cưới hỏi. Đây là hình ảnh cặp đôi được nhắc sau cùng, thể hiện đúng mạch "đi tới" của tình cảm tương tư và quy luật phát triển của

tình yêu ở người dân quê : tình yêu tất gắn với hôn nhân. Bốn câu cuối của bài thơ được tổ chức thành các vế song song. Hai câu trên muốn nói : tiền đề của sự giao kết đã ngầm chứa sẵn trong thực tế khách quan. Nếu cau hay trầu chỉ trợ trợ một mình thì chúng sẽ mất hết giá trị. Theo áp lực nghĩa của hai câu đó, dù bài thơ kết thúc bằng một câu hỏi lửng lơ, ta vẫn đọc ra được "lời đáp" trong mong chờ và tin tưởng : cau thôn Đoài không nhớ, không làm bạn với trầu không thôn Đông thì còn nhớ, còn làm bạn với cái gì, với ai được nữa !

7. Dấu ấn của nền văn hoá truyền thống khá đậm trong bài thơ :

– Nhân vật trữ tình tự nhìn thấy mình như một bộ phận của thiên nhiên, vũ trụ và hiểu rõ mối tương quan hoà hợp giữa các đối tượng, sự vật.

– Tuy có băn khoăn, nghi ngờ, chàng trai vẫn không thôi hi vọng ; đằng sau từ *bao giờ* đây mơ hồ, khắc khoải là một niềm tin – cái niềm tin vẫn tiềm tàng trong những con người sống cuộc đời bình dị đằng sau lũy tre xanh.

– Tình cảm tương tư đã được biểu hiện một cách ý nhị, kín đáo, khá phù hợp với văn hoá nói năng, ứng xử của người Việt xưa, v.v.

8. Dù có giọng "quê mùa", *Tương tư* vẫn là một bài thơ mới đích thực : nội tâm con người, đặc biệt là cảm xúc yêu đương được mổ xẻ tường tận và miêu tả một cách tinh tế ; xen vào giữa các câu có cách diễn đạt lấp lửng, kín đáo là một số câu dăm gọi đích danh sự vật, tạo môi trường cho *cái tôi* cá nhân lộ ra ở bình diện thứ nhất,...